

Số: 141/BC-UBND

Long Điền A, ngày 02 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÍ 1 NĂM 2023**

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

Căn cứ Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới về cải cách hành chính trên địa bàn huyện Chợ Mới năm 2023.

Căn cứ kế hoạch số 87 /KH-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2023 kế hoạch cải cách hành chính xã Long Điền A năm 2023.

Trong quý 1 năm 2023 số ĐCV CCHC đã hoàn thành 07 ĐCV/ 26 ĐCV.

2. Việc tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính.

Từ đầu năm đơn vị có xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính Căn cứ kế hoạch số 87 /KH-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2023 kế hoạch cải cách hành chính xã Long Điền A năm 2023 đã ban hành 26 đầu công việc. Việc triển khai kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 đầu năm có tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch CCHC năm 2023 đến cán bộ, công chức để nắm và xây dựng kế hoạch riêng để triển khai thực hiện.

3. Về Công tác kiểm tra cải cách hành chính

Đầu năm ủy ban nhân dân xã đề ra kế hoạch tuyên truyền CCHC đề ra phương hướng thực hiện để đẩy mạnh tuyên truyền CCHC.

Trong quý 1 Ủy ban nhân dân xã thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác cải cách hành chính theo kế hoạch đề ra, nhằm phát hiện kịp thời những thiếu sót đề ra giải pháp chấn chỉnh, khắc phục. Tổ kiểm tra công vụ xã thường xuyên kiểm tra cán bộ, công chức về việc chấp hành giờ giấc làm việc, thực hiện nội quy, quy chế cơ quan.

3. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính:

Nhằm tuyên truyền về cải cách hành chính trong các cuộc hội nghị của đơn vị cũng như đưa tin bài về CCHC trên đài truyền thanh của xã.

Thực hiện kế hoạch cải cách hành chính của xã cán bộ, công chức và các ngành liên quan có xây dựng kế hoạch cụ thể của từng ngành mình và triển khai thực hiện.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

1.1) Xây dựng và ban hành các VBQPPL của cơ quan, đơn vị

UBND xã xây dựng văn bản về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính để đảm bảo chất lượng văn bản được ban hành theo Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015.

Trong quý 1 năm 2023 UBND xã đã ban hành **141** văn bản gồm: quyết định, báo cáo và công văn, các văn bản khác do UBND xã ban hành gửi các ban ngành trong huyện và xã

1.2) Công tác rà soát, hệ thống hóa VBQPPL của cơ quan, đơn vị

Thường xuyên rà soát định kỳ các văn bản quy phạm pháp luật do địa phương ban hành, kịp thời loại bỏ những văn bản đã hết hiệu lực pháp luật.

1.3) Công tác kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật

Tổ chức triển khai, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật để cán bộ công chức và người dân biết để thực hiện đúng pháp luật.

Thường xuyên rà soát kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật mới ban hành.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1 Cải cách thủ tục hành chính

Căn cứ kế hoạch số 256/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới về Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn huyện. UBND xã đề ra kế hoạch rà soát đánh giá TTHC trên 2 nhóm TTHC đã tiến hành rà soát một cách thường xuyên. Tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương 195 TTHC.

1.2. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã được duy trì tốt góp phần giải quyết nhanh các thủ tục hành chính cho nhân dân.

Cán bộ công chức đã thay đổi rất lớn về cung cách giao tiếp với dân tác phong làm việc, ứng xử hòa nhã, nhiệt tình, trách nhiệm đúng theo phương châm “*Trách nhiệm, một cửa, thân thiện*” tạo nên một nền hành chính thân thiện và gần dân hơn.

Trong quý 1 đã tiếp nhận và trả kết quả được 897 hồ sơ gồm:

- Lĩnh vực Hộ tịch: 220 hồ sơ
- Lĩnh vực Chứng thực: 627 hồ sơ
- Lĩnh vực Bảo trợ xã hội: 48 hồ sơ
- Lĩnh vực Người Có công: 02 hồ sơ
- Lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú: hồ sơ.
- Lĩnh vực đất đai: hồ sơ
- Lĩnh vực thi đua khen thưởng: 0 hồ sơ

- Lĩnh vực tôn giáo: 00 hồ sơ

Trong quý 1 trên địa bàn xã không tiếp nhận phản ánh, kiến nghị liên quan đến TTHC.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

Về biên chế: UBND xã Long Điền có 22 cán bộ chuyên trách, công chức được bố trí cơ bản đều ở các ngành (Không kể chức danh Trưởng công an xã - Chính quy). Đảm bảo đủ số lượng so với quy định.

Về công tác tổ chức hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã trong cơ chế một cửa gồm: 01 biên chế lãnh đạo; 04 biên chế gồm các chức danh Văn phòng - Thống kê, Địa chính - Xây dựng, Tư Pháp – Hộ tịch và 01 công chức Văn Hóa-Xã Hội.

Niên yết lịch làm việc, tiếp dân và nội quy cơ quan được đặt trước Ủy ban. Phòng tiếp công dân.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, phát huy trách nhiệm người đứng đầu cơ quan trong công tác cải cách hành chính và phòng chống tham nhũng; tổ chức triển khai, phổ biến Chỉ thị 07/CT-UBND ngày 16/7/2013 của UBND tỉnh đến tất cả cán bộ, công chức của cơ quan nhằm mục đích nâng cao tính chấp hành, gương mẫu của cán bộ, công chức thực hiện nghiêm về giờ giấc làm việc, thái độ giao tiếp, phục vụ Nhân dân, tác phong làm việc, tinh thần trách nhiệm trong công việc được nâng lên rõ nét, khi tiếp xúc với Nhân dân luôn nhã nhặn, hướng dẫn tận tình, thực hiện đúng phương châm: “Thân thiện-Trách nhiệm-Đúng hẹn”.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Tham mưu thành lập Tổ Kiểm tra công vụ xã; xây dựng Quy chế hoạt động của Tổ Kiểm tra công vụ.

- Thường xuyên nhắc nhở cán bộ, công chức về giờ giấc làm việc, ăn mặc, thái độ ứng xử, giao tiếp với người dân trong buổi chào cờ thứ hai đầu tuần. Cử cán bộ, công chức tham gia bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị theo quy định.

- Kịp thời nhắc nhở cán bộ, công chức về giờ giấc làm việc, ăn mặc, thái độ ứng xử, giao tiếp với người dân trong buổi chào cờ thứ hai đầu tuần.

Nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức; các quy định về tuyển dụng công chức và các quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách khác, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị (kể cả đơn vị sự nghiệp công lập).

Ủy ban nhân dân xã đã cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ như: Cải cách hành chính, Tôn giáo, quản lý Nhà nước về du lịch, bồi dưỡng kỹ năng cho cán bộ trẻ, dân vận chính quyền.....

5. Cải cách tài chính công:

Thực hiện theo chế độ công khai dân chủ tài chính công đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cán bộ công chức. Hoàn thành các công văn ngành dọc cấp trên đảm bảo thời gian quy định và cập nhật dữ liệu vào phần mềm kế toán Misa theo hướng dẫn.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

Về việc Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương.

Vào đầu năm UBND xã Long Điền A rà soát nhu cầu trang bị mới máy vi tính tại những bộ phận cần thiết đã lập danh sách cụ thể theo biểu mẫu gửi về trên và đang chờ cấp về, nâng cấp sửa chữa những máy yếu để bố trí đều ở các ngành nhằm phục vụ cho công việc. Về cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc của cơ quan.

Việc sử dụng các phần mềm như phần mềm hộ tịch, Misa, Dịch vụ công trực tuyến, sử dụng thư điện tử tỉnh, phần mềm văn phòng điện tử VNPT 4.0 và ứng dụng chữ ký số được triển khai tại cơ quan.

7. Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính

Số lượng thủ tục hành chính (TTHC) đã xây dựng quy trình và áp dụng HTQLCL/tổng số TTHC đã công bố: thực hiện theo Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh An Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý áp dụng tại cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định số 3209/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh An Giang về việc Ban hành danh mục các thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và không thực hiện tiếp nhận tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh An Giang.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Thuận lợi: Được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Thường trực Đảng ủy – Thường trực Ủy ban nhân dân xã, sự hướng dẫn các ngành chuyên môn cấp trên và phối hợp của Mặt trận, ban ngành, đoàn thể xã trong công tác tuyên truyền, vận động giáo dục, nâng cao ý thức người dân đã có chuyển biến tích cực. Được sự hỗ trợ tích cực của các ngành, cán bộ được phân công luôn nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, tạo được lòng tin đối với nhân dân. Cán bộ một cửa có tích cực trong giải quyết thủ tục hành chính; thái độ tiếp dân ngày càng thân thiện.

2. Khó khăn: Hoạt động phối hợp giữa các ngành có liên quan trong việc thực hiện một cửa đôi lúc chưa đồng bộ; chưa cập nhật kịp thời các văn bản quản lý Nhà nước của trên; chế độ thông tin báo cáo còn chậm so với quy định.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH THÁNG QUÍ II:

Tiếp tục thực hiện công tác cải cách hành chính theo Chương trình kế hoạch công tác hàng năm của UBND huyện, văn bản chỉ đạo điều hành của các cấp và nhiệm vụ chỉ tiêu theo kế hoạch hàng năm của UBND xã đã ban hành.



Phụ lục 1C

**THÔNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI UBND CẤP XÃ**

(Kèm theo Công văn số 02 /BDH CCHC ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Phòng Nội vụ)

STT	Chi tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú	Phân công
		Đơn vị tính	Số liệu		
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành		04		
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%			
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	26		
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	04		
3.	Kiểm tra CCHC				
3.1.	Số lượng cuộc tự kiểm tra	Cuộc	02		
3.2.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	100%	0		
3.2.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	0 Vấn đề	0		
3.2.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	0 Vấn đề	0		
4.	Thực hiện nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao				
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	09		
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	09		
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	0 Nhiệm vụ	0		
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	0 Nhiệm vụ	0		
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức				
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng			
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0			

		Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2			
6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1			





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2C
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÔNG TÁC CẢI CÁCH THỂ CHẾ TẠI UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Công văn số 0 /BDH CCHC ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Phòng Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cải cách thể chế			
1.1.	Số VBQPPL đã ban hành	Văn bản		
Trong đó	Số Nghị quyết của HĐND huyện được ban hành	Văn bản		
	Số Quyết định của UBND cấp huyện được ban hành	Văn bản		
	Số Nghị quyết của HĐND xã được ban hành	Văn bản	0	
	Số Quyết định của UBND cấp xã được ban hành	Văn bản	0	
1.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
1.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
1.4.	Số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
1.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 3C
THÔNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Công văn số 02/BDH CCHC ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Phòng Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu thông kê (Số dùng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thông kê		Ghi chú	Phân công
		Đơn vị tính	Số liệu		
1.	Thông kê TTHC				
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	195		
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục			
1.4.1.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục			
1.4.2.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	195		
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông				
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	03		
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0		
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	0		
3.	Kết quả giải quyết TTHC				
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%			
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ			
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ			

3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%			
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	Hồ sơ	897		
3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	Hồ sơ	897		
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0		
3.3.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	PAKN	0		
3.3.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	PAKN	0		





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 4C

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ
MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TẠI UBND CẤP XÃ**

(Kèm theo Công văn số 02 /BDH CCHC ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Phòng Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu (thống kê (Số liệu trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III năm))	Kết quả (thống kê)		Ghi chú	Phân công
		Đơn vị tính	Số lượng		
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy				
1.1.	Tỷ lệ cán bộ, công chức đã hoàn thành việc sắp xếp đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	23		
1.2.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị			
1.2.1.	Số ĐVSNNCL thuộc UBND cấp xã	Cơ quan, đơn vị			
1.2.2.	Tỷ lệ ĐVSNNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%			
2.	Số liệu về biên chế công chức				
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	12		
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	11		
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	0		
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0		
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	0		
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập				
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người			
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người			
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người			
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%			



Phụ lục 5C

THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÔNG TÁC CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ TẠI UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Công văn số 02 /BDH CCHC ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Phòng
Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Số lượng trong kỳ báo cáo tổng cộng 6 tháng/năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.1.	Số lãnh đạo UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 6B
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÔNG TÁC CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG TẠI UBND CẤP XÃ**
(Kèm theo Công văn số 02 /BDH CCHC ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Phòng Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Điền đúng trong lý báo cáo hàng năm, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
1.1.	Tổng số ĐVSN công lập trực thuộc	Đơn vị		
1.2.	Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
1.3.	Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
1.4.	Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
1.4.1.	Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
1.4.2.	Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
1.4.3.	Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
1.5.	Số ĐVSN trực thuộc do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	01	
1.6.	Số lượng ĐVSN trực thuộc đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		





Phụ lục 7C

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ TẠI UBND CẤP XÃ**
(Kèm theo Công văn số 02 /BCĐCCHC ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Phòng Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Triển khai các Kế hoạch Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
2.	Triển khai thực hiện Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
3.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với đơn vị mình	%		
3.1.2.	Tỷ lệ các cơ quan ngành dọc đã kết nối, liên thông với đơn vị mình	%		
3.1.3.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với đơn vị mình	%	100	
3.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của cơ quan, đơn vị (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
3.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
3.3.1.	Đã kết nối liên thông với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		